

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
KHOA CÔNG NGHỆ MAY & THIẾT KẾ THỜI TRANG**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

NGÀNH CÔNG NGHỆ DỆT, MAY



Hà Nội, 2019

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	3
1.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	3
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Khoa Công nghệ May & Thiết kế thời trang.....	6
2.3. Mục tiêu của chương trình.....	6
3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM.....	7
4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	7
4.1. Thông tin tuyển sinh.....	7
4.2. Quy trình đào tạo	8
4.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp	8
5. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY.....	8
6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	10
6.1. Chuẩn bị của giảng viên	11
6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học	11
6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học.....	12
7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	13
7.1. Quy trình đánh giá.....	13
7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá.....	13
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	13
8.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa	14
8.2. Nội dung chương trình	14
8.3. Sơ đồ tiến trình đào tạo	18
8.4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần.....	19
9. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	26
9.1. Đối chiếu cấu trúc chương trình đào tạo	26
9.2. So sánh các học phần tương đồng giữa các trường.....	26
10. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	30
PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	31

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (tiếng Việt):	Thạc sĩ Công nghệ dệt, may
Tên chương trình (tiếng Anh):	Master of Textile and Garment Technology
Mã ngành đào tạo:	854 02 04
Đơn vị cấp bằng cấp bằng:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	Thạc sĩ Công nghệ dệt, may
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Thời gian đào tạo:	2 năm
Đơn vị giảng dạy:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Khoa quản lý CTĐT:	Khoa Công nghệ May & Thiết kế thời trang

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Công nghệ May & TKTT, đào tạo con người và nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội trong ngành dệt may và thời trang.

1.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH CN Hà Nội

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

1.1.1. Tầm nhìn

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ; là trường đại học đạt chuẩn quốc gia và chuẩn quốc tế một số lĩnh vực; là trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín; là địa chỉ tin cậy cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế.

1.1.2. Sứ mạng

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

1.1.3. Mục tiêu chiến lược

① Chiến lược phát triển đào tạo

- Xây dựng Trường Đại học Công nghiệp trở thành một cơ sở đào tạo chất lượng cao theo định hướng ứng dụng, nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Các chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng và thường xuyên được cập nhật, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo được công khai và đảm bảo đánh giá định lượng được;

- Ít nhất 10% thời lượng của mỗi chương trình đào tạo được dành cho thực tập thực tế và hoạt động giảng dạy, báo cáo chuyên đề, seminar bởi các giảng viên thỉnh

giảng, các chuyên gia, báo cáo viên có uy tín hoặc kinh nghiệm thực tế ở trong và ngoài nước;

- Tổ chức và quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ với tất cả các chương trình đào tạo;

- Quy mô đào tạo chính quy dài hạn duy trì trong khoảng 30.000 – 32.000 sinh viên, trong đó đào tạo trình độ đại học chiếm trên 90%; đào tạo sau đại học chiếm gần 10%; tỉ lệ sinh viên/giảng viên đảm bảo đúng quy định của Nhà nước; giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 25% vào năm 2020; Số chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo, đồng cấp bằng với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài chiếm ít nhất 10% tổng số chương trình đào tạo;

- Có ít nhất 03 chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học nước ngoài;

- Nâng cao chất lượng đào tạo và khảo thí tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp.

② Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ

- Xây dựng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thành trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín và tin cậy, đủ khả năng tiếp cận và phát triển các công nghệ tiên tiến, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội của đất nước;

- Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng và phát triển đào tạo. Phấn đấu đến năm 2020, hoạt động khoa học và công nghệ một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực và thế giới;

- Đưa khoa học và công nghệ đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của Nhà trường và sự phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, Ngành, Nhà nước. Đóng góp tích cực vào việc nâng cao vị thế và thương hiệu của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Phấn đấu đến năm 2020 doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ chiếm 20% tổng doanh thu của toàn Trường.

③ Chiến lược phát triển cơ sở vật chất, nguồn tài chính

- Xây dựng cơ sở vật chất (giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, ký túc xá, cơ sở văn hoá-thể thao) của trường đạt tiêu chuẩn TCVN 20-1985 theo hướng hiện đại ngang tầm các nước trong khu vực ASEAN;

- Xây dựng phương án tự chủ đại học, đa dạng hóa nguồn thu, phấn đấu tăng doanh thu tài chính 10% mỗi năm; Sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính cho các hoạt động của Nhà trường, từng bước cải thiện nâng cao đời sống cho cán bộ, viên chức và người lao động.

④ Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển hợp lý nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển cơ cấu tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp, yêu nghề, gắn bó với Nhà trường để đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường;

- Quy mô đội ngũ đến năm 2020: Toàn trường có 1800 cán bộ, viên chức, trong đó có 1500 giảng viên. Đảm bảo tỷ lệ quy đổi giảng viên/sinh viên đạt 1/20 đối với khối ngành kỹ thuật, 1/25 đối với khối ngành KT-XH;

- Về chất lượng đội ngũ: Đến năm 2020, số giảng viên đạt trình độ tiến sĩ là 25%, đạt trình độ thạc sĩ là 75%, 50% giảng viên dưới 40 tuổi có trình độ ngoại ngữ để có thể

tham gia các chương trình đào tạo ở nước ngoài; 100% cán bộ quản lý có trình độ từ thạc sĩ; 100% cán bộ phục vụ có trình độ từ đại học trở lên, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác quản lý, nghiệp vụ;

- Xây dựng và chuẩn hoá đội ngũ viên chức và cán bộ quản lý theo yêu cầu của từng vị trí công tác trong trường;

- Xây dựng chính sách thu hút, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng toàn diện về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp sư phạm, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên.

⑤ Chiến lược nâng cao năng lực quản trị Nhà trường và đảm bảo chất lượng

- Nâng cao năng lực quản trị đại học theo mô hình quản trị tiên tiến, phù hợp với xu thế Quốc tế; Thiết lập và áp dụng hệ thống Đại học Điện tử theo mô hình BPM (Business Process Management – Quản trị quá trình tác nghiệp) vào thực hiện và quản lý các hoạt động của Nhà trường;

- Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- 100% chương trình đào tạo được tự đánh giá theo chuẩn quốc gia hoặc quốc tế trong đó ít nhất 20% được kiểm định và công nhận.

⑥ Chiến lược phát triển quan hệ doanh nghiệp và việc làm cho sinh viên

- Trở thành trường đại học có quan hệ hợp tác với doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm cho sinh viên hàng đầu ở khu vực phía Bắc. Khẳng định hợp tác với doanh nghiệp là nhân tố tích cực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường;

- Phát triển quan hệ hợp tác với doanh nghiệp theo chiều sâu, hiệu quả, bền vững theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi;

- Đến năm 2020, tỷ lệ sinh viên có việc làm đạt trên 85% tại thời điểm sau khi tốt nghiệp 6 tháng, 100% giảng viên giảng dạy chuyên ngành có hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, 30% môn học chuyên ngành có sự tham gia giảng dạy/hướng dẫn của chuyên gia đến từ doanh nghiệp.

⑦ Chiến lược phát triển Thương hiệu và Văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội

- 100% các yếu tố nhận diện thương hiệu được sử dụng thống nhất trong Nhà trường. Tất cả cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên Nhà trường xác định và giải thích chính xác ý nghĩa các yếu tố nhận diện thương hiệu của trường;

- 100% cán bộ, viên chức và học viên, sinh viên đạt các tiêu chí “Văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội”;

- 100% chương trình đào tạo, sản phẩm khoa học công nghệ, thành tích trong các hoạt động của Nhà trường được thông tin và truyền thông rộng rãi tới khách hàng và các bên quan tâm. Website thông tin của Nhà trường nằm trong top 500 website được truy cập nhiều nhất Việt Nam;

- 60% doanh nghiệp có quan hệ thường xuyên với Nhà trường được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng đào tạo và uy tín thương hiệu Nhà trường. 100% học viên sau đại học, 15% sinh viên tốt nghiệp được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

⑧ Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế

- Tiếp cận và bắt kịp trình độ, chuẩn mực giáo dục tiên tiến của khu vực và thế giới, qua đó tiếp nhận, chia sẻ tài nguyên và kinh nghiệm phát triển, hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tiếp tục mở rộng quan hệ Quốc tế hiện có;

- Có quan hệ hợp tác Quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ với các nước trong khu vực và các nước có nền giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới;

- Huy động sự giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức, trường đại học Quốc tế phục vụ công tác đào tạo và NCKH, nhằm tăng cường nguồn lực cơ sở vật chất và học bổng cho học sinh, sinh viên; Phát huy tiềm năng của Nhà trường về hợp tác Quốc tế trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

- Mỗi năm có từ 1-2 nhiệm vụ hợp tác Quốc tế về khoa học và công nghệ.

Hệ thống giá trị cốt lõi: Kiên định - Khoa học- Khách hàng - Kỹ nghệ - Kết nối - Khác biệt - Kỷ cương - Khách quan.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Khoa Công nghệ May & Thiết kế thời trang

2.2.1. Tầm nhìn

Khoa CNM&TKTT trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ứng dụng đạt chuẩn quốc gia; là sự lựa chọn hàng đầu của người học, doanh nghiệp và cộng đồng trong lĩnh vực Công nghệ dệt may, thiết kế thời trang và công nghệ vật liệu dệt may.

2.2.2. Sứ mạng

Khoa CNM&TKTT - Trường ĐHCNHN đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, sáng tạo và chuyển giao tri thức công nghệ theo định hướng ứng dụng trong lĩnh vực Công nghệ dệt may, thiết kế thời trang và công nghệ vật liệu dệt may đáp ứng yêu cầu xã hội, góp phần phát triển đất nước.

2.2.3. Triết lý giáo dục:

Phát triển Toàn diện - Bền vững - Hội nhập.

2.2.4. Quan điểm phát triển:

Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển. Đào tạo và nghiên cứu khoa học chú trọng tính ứng dụng, đáp ứng nhu cầu thiết thực của xã hội và hội nhập quốc tế.

2.2.5. Mục tiêu phát triển:

Đào tạo, nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực Công nghệ dệt may, thiết kế thời trang và công nghệ vật liệu dệt may đáp ứng nhu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế (Các CTĐT đạt chuẩn quốc gia).

2.3. Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Công nghệ dệt, may được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Công nghệ dệt, may có phẩm chất đạo đức và đạo đức nghề nghiệp tốt, có trình độ chuyên môn cao, có thể làm chủ kiến thức khoa học và công nghệ liên quan đến Công nghệ dệt, may. Thạc sĩ Công nghệ dệt, may có phương pháp tư duy hệ thống, tư duy phản biện, khả năng tiếp cận, tổ chức và giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật của ngành Công nghệ dệt, may với vai trò của chuyên gia; có khả năng nghiên cứu khoa học độc lập với phương pháp sáng tạo; khả năng thích ứng với môi trường kinh tế-xã hội toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, có khả năng tự đào tạo và tham gia các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế để đạt trình độ cao hơn.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

+ Kiến thức:

- Có kiến thức chuyên sâu phục vụ nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng về công nghệ sản xuất trong ngành dệt may và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;
- Có các kiến thức về vật liệu mới trong dệt may; công nghệ sản xuất xơ sợi tiên

tiến; tiêu chuẩn hóa sản phẩm dệt may/đo lường trong dệt may; tiện nghi trang phục hoặc an toàn và phát triển bền vững trong dệt may;

- Có kiến thức chuyên ngành công nghệ mới về dệt may thuộc các lĩnh vực: Nghiên cứu và phát triển sản phẩm, công nghệ gia công, công nghệ sản xuất và tổ chức sản xuất sản phẩm dệt may; các kiến thức nâng cao cho việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ, thiết bị mới trong ngành dệt may;

+ *Kỹ năng:*

- Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, phát triển và thử nghiệm giải pháp mới, kỹ thuật mới, công nghệ mới vào lĩnh vực dệt may; xây dựng, quản lý và triển khai dự án, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ mới liên quan đến lĩnh vực dệt may; phân tích và giải quyết được các vấn đề kỹ thuật phức tạp, thường xảy ra thuộc ngành công nghệ dệt may; làm việc độc lập, làm việc nhóm trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia;

+ *Thái độ:*

- Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật tốt, tác phong chuyên nghiệp, yêu nghề, không ngừng học tập, sáng tạo.
- Có hiểu biết về kinh tế, chính trị phù hợp để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Người học sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sĩ Công nghệ dệt, may có thể đảm nhận các vị trí việc làm như sau:

- Quản lý, phụ trách kỹ thuật hoặc thực hiện những công việc kỹ thuật trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp về lĩnh vực công nghệ dệt, may.
- Giảng dạy, quản lý tại cơ sở đào tạo như đại học, cao đẳng,... về công nghệ dệt, may.
- Làm công tác nghiên cứu tại các viện, trường, trung tâm và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ dệt, may.
- Tổ chức, quản lý, triển khai các dự án trong lĩnh vực công nghệ dệt, may.

4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP

4.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh cao học chính quy của Bộ GD&ĐT, cập nhật tại <http://tuyensinh.hau.edu.vn>.
- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp hoặc ngành gần theo Bảng 1.

Bảng 4.1. Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần.

STT	Mã số	Tên ngành	Ghi chú
Ngành đúng			
1.	7540204	Công nghệ dệt, may	

2.	7540203	Công nghệ vật liệu dệt,may	
Ngành phù hợp			
1.	(52540204)	Công nghệ may	
2.	7520312 (52540201)	Kỹ thuật dệt	
3.	7540202 (52540202)	Công nghệ sợi dệt	
Ngành gần			
1.	7540206 (52540206)	Công nghệ da giày	
2.	7210406 (52210404)	Thiết kế thời trang	
3.	7140246	Sư phạm công nghệ	
4.	7140214 (521402140)	Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	

Ghi chú: Mã ngành trong ngoặc đơn là mã ngành trước đây theo thông tư 14/2010/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 4 năm 2010 và Thông tư số 32/2013/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển.

Các môn thi tuyển sinh:

- Môn cơ sở ngành: Vật liệu dệt may
- Môn chuyên ngành: Công nghệ dệt may
- Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh

Đối tượng được miễn thi ngoại ngữ (Tiếng Anh):

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Anh, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo qui định;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Tiếng Anh;
- Có chứng chỉ trình độ Tiếng Anh trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ theo qui định của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Đối tượng và mức ưu tiên:

Theo qui định của trường Đại học Công nghiệp Hà nội;

4.2. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để người học tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Chương trình đào tạo được thiết kế 4 học kỳ tương ứng với 2 năm học, gồm 60 tín chỉ. Trong đó thời gian học tập chính thức 2 năm và thời gian học tập tối đa 4 năm.

- Mỗi năm học được chia thành 2-3 học kỳ khoảng 15 tuần.

4.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp căn cứ vào Quyết định số 630/QĐ-ĐHCN ngày 18/6/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà nội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà nội:

a) *Đạt yêu cầu ngoại ngữ:* Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên đạt được ở mức

cấp độ 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương cấp độ B2 theo khung châu Âu.

b) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn, gồm:

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ).
- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn luận văn đủ điều kiện bảo vệ theo quy định.
- Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn.

c) Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu, điểm luận văn đạt 5,5 trở lên (thang điểm 10).

5. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Khoa Công nghệ May & TKTT bao gồm ba bộ môn: Bộ môn Công nghệ May, bộ môn Thiết kế thời trang và bộ môn Công nghệ Vật liệu Dệt, May. Hiện nay Khoa Công nghệ May & TKTT có 32 cán bộ, giảng viên, trong đó có 1 Phó giáo sư và 1 Tiến sĩ (3.1%), 29 thạc sĩ (90.6%). Độ tuổi bình quân của cán bộ, giảng viên là 30 - 45 tuổi.

Bảng 5.1. Thống kê đội ngũ giảng viên của Khoa CN may & TKTT năm 2019

Stt	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (ng)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Phó giáo sư	2	6,2		2			2		
2	Tiến Sĩ	3	9,3	2	1			3		
3	Thạc sĩ	26	81,4	6	20	4	13	8	1	
4	Đại học	1	3,1	1		1				
Tổng số		32	100	9	23	5	13	13	1	0

Khoa Công nghệ May & TKTT hiện tại đang quản lý 21 phòng thực hành/ thí nghiệm chuyên ngành phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Các phòng thí nghiệm và thiết bị được phân công quản lý bởi các bộ môn: Công nghệ May, Thiết kế thời trang, Công nghệ Vật liệu Dệt may.

Bảng 5.2. Thống kê phòng thí nghiệm chuyên ngành

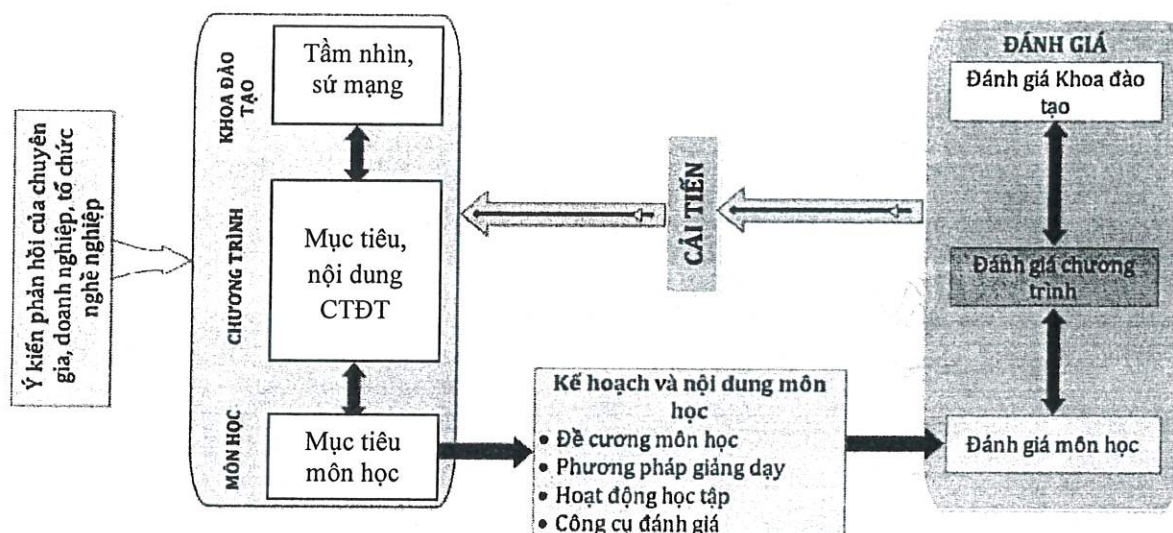
TT	Tên phòng thí nghiệm	Vị trí
1	Phòng chuẩn bị sản xuất	102-B4
2	Phòng thực hành may 01	103-B4

TT	Tên phòng thí nghiệm	Vị trí
3	Phòng thực hành may 02	105-B4
4	Phòng thực hành may 03	106-B4
5	Phòng thực hành may 04	205-B4
6	Phòng thực hành may 06	206-B4
7	Phòng thực hành may 05	202-B4
8	Phòng thí nghiệm công nghệ dệt may	301-B4
9	Phòng máy tính 03	302-B4
10	Phòng thực hành may 07	303-B4
11	Phòng máy tính 01	304-B4
12	Phòng máy tính 02	305-B4
13	Thực hành thiết kế 01	401-B4
14	Phòng thực hành thiết kế 02	402-B4
15	Phòng nghiên cứu phát triển sản phẩm may thời trang	403-B4
16	Phòng thực hành thiết kế 3	404-B4
17	Phòng thực hành thiết kế 4	405-B4
18	Phòng chụp STUDIO	406-B4
19	Phòng thực hành thiết kế 6	503-B4
20	Phòng thực hành thiết kế 5	502-B4
21	Phòng thực hành thiết kế 7	505-B4

Các phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành được đầu tư các thiết bị và mô hình hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo Thạc sỹ Công nghệ dệt, may. Trong đó phải kể đến các thiết bị hiện đại như: Máy ép mex, máy in sơ đồ khổ lớn, máy nhồi bông, máy chân bông khổ lớn, các loại máy may điện tử như máy 1 kim, máy thừa khuyết, đính cúc hệ thống máy tính, phần mềm thiết kế và giác sơ đồ Lectra,...

6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa Công nghệ May & TKTT tiếp cận dựa trên mục tiêu, ở cấp độ chương trình, từ mục tiêu của chương trình đào tạo, thiết kế nội dung của CTĐT, thiết kế mục tiêu, nội dung cấp độ học phần. Dựa trên mục tiêu, nội dung này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương chi tiết học phần, bài giảng, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến mục tiêu, nội dung chương trình.



Hình 6.1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Khoa CN May & TKTT

6.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình Thạc sỹ Công nghệ dệt may cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế tốt nghiệp);
- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);
- Hiểu rõ học viên của mình (học viên năm nhất, năm hai của chương trình cao học; học viên đã qua, đang công tác tại vị trí việc làm nào trong ngành dệt may);
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập;

6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và NH: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 6.1.

Bảng 6.1. Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar, thuyết trình	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, Đề án tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm	Mô phỏng; Thực tế Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Học viên thảo luận nhóm, thuyết trình, đề án tốt nghiệp.	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não.
Học tập độc lập	Hoạt động thực tập tốt nghiệp, hoạt động tự học, đề án tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch nghiên cứu

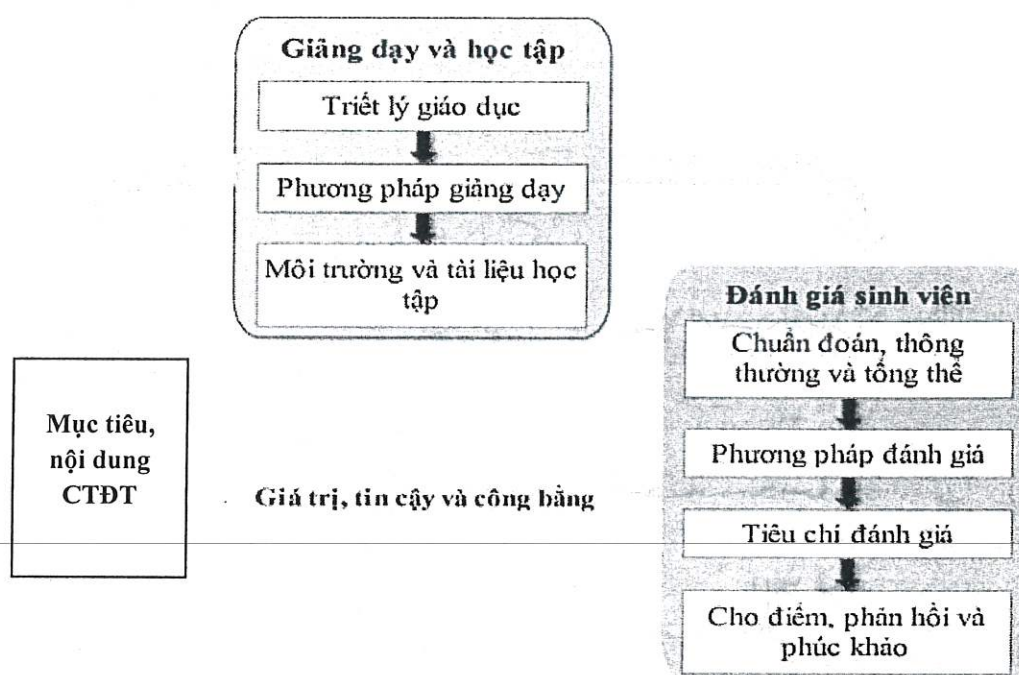
6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo sẽ được rà soát ít nhất 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;
- Có nhiều hình thức hỗ trợ học viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng, năng lực cho người học;
- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch báo cáo GD, báo cáo HP để đánh giá, trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của học viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

7.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá học viên dựa trên mục tiêu cấp học phần, mục tiêu cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của mục tiêu cấp CTĐT. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá người học bao gồm thi đầu vào, đánh giá thường xuyên giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: thuyết trình, bài kiểm tra ngắn, bài báo cáo, tiểu luận, luận văn tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics học phần. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, NH được thực hiện theo quy trình (Hình 7.1).



Hình 7.1. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá NH

7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ kiến thức chung, cơ sở ngành đến chuyên ngành nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc đối với một thực sỹ công nghệ dệt, may. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực trong chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức chung, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các học phần, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng chuyên môn sâu trong ngành dệt may, ... rèn luyện được năng lực tư duy và giải quyết vấn đề sâu rộng trong chuyên môn, tự định hướng, thích nghi khi làm việc trong môi trường đa văn hóa và toàn cầu hóa.

8.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

60 tín chỉ

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		LT	TH/TN	TL/BTL/ ĐA/TT	
Kiến thức chung	5	4	1	0	11,1
Kiến thức Cơ sở ngành	13	12	1	0	28,9
Kiến thức Chuyên ngành	17	15,5	1,5	0	37,8
Luận văn tốt nghiệp	10	0	0	10	22,2
Tổng cộng	45	31,5	3,5	10	100

8.2. Nội dung chương trình toàn khóa

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TN/TL/ TT/ĐA
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			5	4	1
1	LP	7101	Triết học	3	2	1
2	FG	7002	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
3	FG		Tiếng Anh *			
II	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ			13	12	1
2.1	Các học phần bắt buộc			5	4	1
1	FG	7003	Phương pháp phân tích dữ liệu ngành dệt may	3	2	1
2	FG	7004	Vật liệu mới trong dệt may	2	2	0
2.2	Các học phần tự chọn (chọn 8 tín chỉ trong các học phần sau)			8	8	0
1	FG	7005	Đo lường trong dệt may	2	2	0
2	FG	7006	Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng sản phẩm dệt may	2	2	0
3	FG	7007	Công nghệ sản xuất xơ sợi tiên tiến	2	2	0
4	FG	70098	Tiện nghi trang phục	2	2	0
5	FG	7009	Phát triển bền vững trong dệt may	2	2	0

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TN/TL/TT/ĐA
6	FG	7010	Vật liệu dệt may kỹ thuật	2	2	0
7	FG	7011	Vải không dệt và ứng dụng trong ngành may	2	2	0
8	FG	7012	Cấu trúc vải dệt thoi	2	2	0
9	FG	7013	Cấu trúc vải dệt kim	2	2	0
III	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			17	16	1
3.1	Các học phần bắt buộc			6	5,5	0,5
1	FG	7014	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may	2	1,5	0,5
2	FG	7016	Công nghệ mới trong hoàn tất sản phẩm dệt may	2	2	0
3	FG	7018	Tiến bộ mới trong công nghệ may	2	2	0
3.2	Các học phần tự chọn (chọn 11 tín chỉ trong các học phần sau)			11	10	1
1	FG	7015	Vải dệt 3D	2	2	0
2	FG	7017	Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục	2	2	0
3	FG	7020	Tiến bộ mới trong công nghệ dệt	2	2	0
4	FG	7021	Phân tích và dự báo xu hướng sản phẩm dệt may	3	2	1
5	FG	7022	Sản phẩm dệt may thông minh	2	2	0
6	FG	7023	Phát triển thương hiệu dệt may	2	2	0
7	FG	7024	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành dệt may	2	2	0
8	FG	7025	Khoa học quản lý sản xuất trong dệt may	3	2	1
9	FG	7026	Tự động hóa trong công nghệ dệt may	2	2	0
IV	THỰC TẬP VÀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP			10	0	10
2	FG	7027	Luận văn tốt nghiệp	10	0	10
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)				45	31,5	13,5

(*) Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên đạt được ở mức cấp độ 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam hoặc tương đương cấp độ B2 theo khung châu Âu.

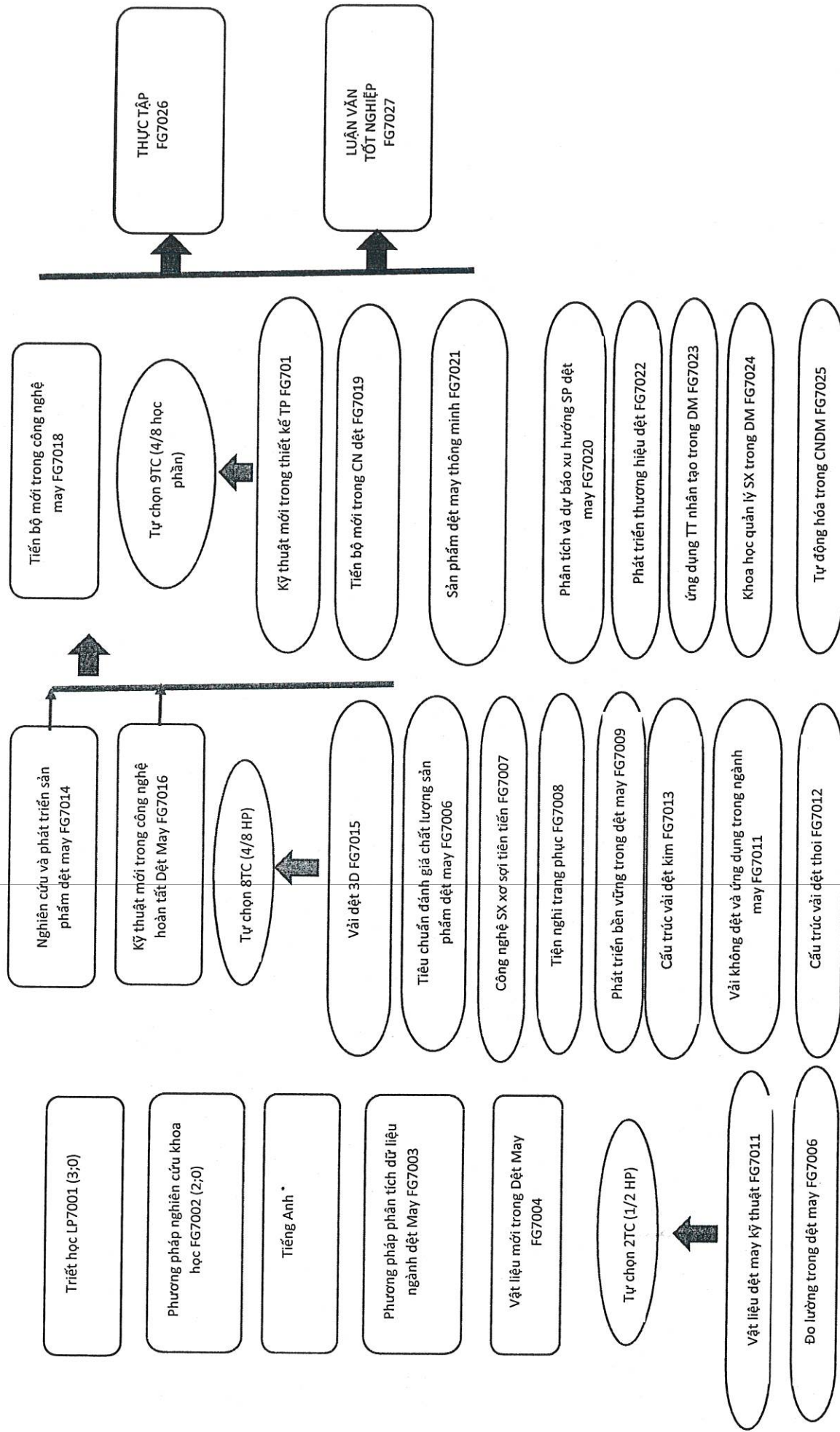
Ma trận các kỹ năng:*Bảng 8.1. Các kiến thức kỹ năng*

TT	Chuẩn đầu ra theo năng lực	Mục tiêu
<i>a</i>	Có khả năng vận dụng các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, ứng dụng các phần mềm để phân tích dữ liệu trong ngành dệt, may;	Kiến thức Kỹ năng
<i>b</i>	Có khả năng nhận biết, lựa chọn vật liệu và công nghệ, phát triển sản phẩm dệt may phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu của người tiêu dùng;	Kiến thức Kỹ năng
<i>c</i>	Có khả năng nghiên cứu độc lập, phát triển và thử nghiệm giải pháp mới, kỹ thuật mới, công nghệ mới vào lĩnh vực dệt may;	Kiến thức Kỹ năng
<i>d</i>	Có năng lực nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may; phân tích và giải quyết được các vấn đề kỹ thuật phức tạp, thường xảy ra thuộc ngành công nghệ dệt may trong bối cảnh kinh tế toàn cầu, môi trường và xã hội;	Kiến thức Kỹ năng
<i>e</i>	Có khả năng xây dựng, quản lý và triển khai dự án, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ mới liên quan đến lĩnh vực dệt may;	Kiến thức
<i>f</i>	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp, sản xuất và kinh doanh trong ngành dệt may thay đổi trong bối cảnh hội nhập quốc tế;	Thái độ
<i>g</i>	Có tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp trong công việc;	Thái độ
<i>h</i>	Có khả năng thiết kế, đánh giá, cải tiến, sáng kiến, nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp, góp phần hoàn thiện hệ thống trong sản xuất ngành dệt may;	Kỹ năng
<i>i</i>	Có năng lực ngoại ngữ cấp độ 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt nam (tương ứng với B1 khung Châu Âu);	Kỹ năng
<i>j</i>	Có khả năng hình thành ý tưởng, thiết lập các mô hình, tổ chức, xây dựng và thực hiện kế hoạch của dự án trong ngành dệt may.	Kỹ năng

Bảng 8.2. Ma trận kiến thức kỹ năng

Stt	Học phần	a	b	c	d	e	f	g	h	i	j
1	Triết học						x	x			
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x		x	x		x	x	x		
3	Tiếng Anh			x			x			x	
4	Phương pháp phân tích dữ liệu ngành dệt may	x		x	x						
5	Vật liệu mới trong dệt may		x		x						x
6	Công nghệ sản xuất xơ sợi tiên tiến		x		x						
7	Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng sản phẩm dệt may		x		x	x					
8	Đo lường trong dệt may	x		x	x			x			
9	Tiện nghi trang phục		x		x				x		
10	Phát triển bền vững trong dệt may		x		x		x	x	x		
11	Vật liệu dệt may kỹ thuật		x		x						
12	Vải không dệt và ứng dụng trong ngành may		x	x	x						
13	Cấu trúc vải dệt thoi		x		x						x
14	Cấu trúc vải dệt kim		x		x						x
15	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may		x	x	x		x				x
16	Vải dệt 3D		x		x						x
17	Tiến bộ mới trong công nghệ dệt			x	x	x	x		x		
18	Công nghệ mới trong hoàn tất sản phẩm dệt may			x	x	x	x		x		
19	Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục			x	x	x	x		x		
20	Tiến bộ mới trong công nghệ may			x	x	x	x		x		
21	Phân tích và dự báo xu hướng sản phẩm dệt may	x		x	x		x				x
22	Sản phẩm dệt may thông minh		x	x	x		x				x
23	Phát triển thương hiệu dệt may		x		x		x				x
24	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành dệt may	x		x	x				x		x
25	Khoa học quản lý sản xuất trong dệt may			x	x	x	x	x			
26	Tự động hóa trong công nghệ dệt may			x	x				x		
27	Thực tập				x	x	x	x	x		
28	Luận văn tốt nghiệp	x		x	x		x		x		x

8.3.Sơ đồ tiến trình đào tạo



Học kỳ 1

Học kỳ 2

Học kỳ 3

Học kỳ 4

8.4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

8.4.1. Triết học

Mã học phần: LP7101

Số tín chỉ: 3 (2;1)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Triết học phương Đông, triết học phương Tây và những nội dung nâng cao của triết học Mác - Lênin; triết học chính trị cũng như mối quan hệ biện chứng giữa triết học với khoa học. Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận triết học, đặc biệt là nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn.

8.4.2. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã học phần: FG7002

Số tín chỉ: 2 (2; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên các khái niệm về khoa học, công nghệ, nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học và phương pháp luận nghiên cứu khoa học; cách viết, trình bày và báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học; trang bị các kiến thức để tổ chức, thực hiện và quản lý thành công một công trình NCKH; đặc thù, hướng nghiên cứu trọng điểm và xu thế NCKH trong ngành dệt may.

8.4.3. Phương pháp phân tích dữ liệu ngành Dệt May

Mã học phần: FG 7003

Số tín chỉ: 3 (2,1,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức về các khái niệm thống kê cơ bản; Các phương pháp phân tích dữ liệu được ứng dụng trong ngành dệt may: phương pháp phân tích mô tả và so sánh, liên quan và dự báo: trắc nghiệm tham số, phi tham số, phân tích phương sai, hồi qui tuyến tính đơn giản, hồi qui tuyến tính đa biến, hồi qui logistic, phân tích tổng hợp, xây dựng mô hình dự báo; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu; Đồ thị và biểu đồ.

8.4.4. Vật liệu mới trong dệt may

Mã học phần: FG 7004

Số tín chỉ: 2 (2, 0, 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức về xơ dệt mới, nguyên liệu, phương pháp sản xuất, cấu trúc, tính chất và ứng dụng. Trên cơ sở đó học viên có được những kiến thức cập nhật về xơ dệt mới để áp dụng tạo ra các loại sản phẩm dệt may có chức năng đặc biệt và chất lượng cao.

8.4.5. Đo lường trong dệt may

Mã học phần: FG 7005

Số tín chỉ: 2 (2, 0, 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức về lý thuyết và thực hành về các đặc trưng chất lượng của vật liệu và sản phẩm dệt may; Các thông số chất lượng của sợi, vải và sản phẩm dệt may; Các nguyên lý và kỹ thuật đo lường chất lượng sản phẩm dệt may; Một số nguyên lý và thiết bị đo lường thông dụng, tiên tiến trong ngành dệt may; Phương pháp xử lý và đánh giá kết quả thí nghiệm.

8.4.6. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng sản phẩm dệt may

Mã học phần: FG 7006

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho học viên kiến thức về các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng sản phẩm dệt may: Đánh giá các thông số cấu trúc của vải; Đánh giá độ bền màu của sản phẩm dệt may; Đánh giá các chỉ tiêu hoàn tất của vải; Tiêu chuẩn qui định đối với sản phẩm dệt may trên một số thị trường thế giới; Tiêu chuẩn ký hiệu trên nhãn cho sản phẩm dệt may.

8.4.7. Công nghệ sản xuất xơ sợi tiên tiến

Mã học phần: FG 7007

Số tín chỉ: 2(2, 0, 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức về kỹ thuật sản xuất, cấu trúc, tính chất cơ lý hóa, công nghệ xử lý hoàn tất xơ sợi và tiềm năng ứng dụng của các loại xơ sợi tiên tiến.

8.4.8 Tiện nghi trang phục

Mã học phần: FG 7008

Số tín chỉ: 2 (2; 0; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức về các khái niệm cơ bản trong tiện nghi trang phục, mối quan hệ giữa tâm lý học và tiện nghi, quá trình sinh lý – thần kinh trong tiện nghi trang phục, khía cạnh xúc giác, quá trình truyền nhiệt, truyền ẩm và độ vừa vặn trong tiện nghi trang phục.

8.4.9. Phát triển bền vững trong Dệt May

Mã học phần: FG 7009

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức về tái chế và sử dụng chất thải làm nguyên liệu trong ngành dệt may, tính bền vững và xu hướng ecodesign, mối quan hệ giữa phát triển bền vững và sử dụng năng lượng tái tạo, quản lý chất thải và các công nghệ mới trong sản xuất dệt may.

8.4.10. Vật liệu dệt may kỹ thuật

Mã học phần: FG7010

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: không

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về vật liệu dệt may kỹ thuật, được sử dụng để chế tạo các kết cấu trong các ngành công nghiệp công nghệ cao; Các loại vật liệu từ xơ có tính năng cao như: xơ các bon, xơ aramit, xơ polyetylen mật độ siêu cao, xơ thủy tinh, xơ ceramic, xơ bazan và xơ nano.

8.4.11. Vải không dệt và ứng dụng trong ngành may

Mã học phần: FG7011

Số tín chỉ: 2 (2, 0, 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Cung cấp cho học viên kiến thức về nguyên liệu sản xuất vải không dệt, công nghệ hình thành đệm xơ nền bằng các phương pháp khô,

phương pháp ước và phương pháp tạo xơ trực tiếp; Các công nghệ hình thành vải không dệt và các lĩnh vực ứng dụng vải không dệt trong công nghiệp may.

8.4.12. Cấu trúc vải dệt thoi

Mã học phần: FG7012

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức về công nghệ sản xuất vải dệt thoi, phương pháp liên kết sợi để tạo vải theo công nghệ dệt thoi. Các phần tử cấu trúc vải, cách biểu diễn các kiểu dệt, cấu trúc và đặc tính của một số loại vải dệt thoi thông dụng trong may mặc làm cơ sở cho thiết kế, sản xuất, xử lý hoàn tất và sử dụng vật liệu dệt may, các thông số kỹ thuật chủ yếu của vải và phương pháp phân tích mẫu vải dệt thoi.

8.4.13. Cấu trúc vải dệt kim

Mã học phần: FG7013

Số tín chỉ: 2 (2, 0, 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức về các phần tử cấu trúc vải dệt kim; Cách biểu diễn kiểu dệt vải dệt kim; Các thông số kỹ thuật chủ yếu của vải; Đặc trưng cấu trúc và tính chất của các kiểu dệt vải dệt kim đan ngang và vải dệt kim đan dọc. Phương pháp mô hình hóa, các mô hình cấu trúc và mô hình tính chất, cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến tính chất cấu trúc và tính chất của vải dệt kim

8.4.14. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may

Mã học phần: FG7014

Số tín chỉ: 2 (1,5; 0,5; 0)

Loại học phần: bắt buộc

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức khái quát chung về nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may trong bối cảnh toàn cầu: Sản phẩm và phát triển sản phẩm, quá trình phát triển sản phẩm dệt may, các tiêu chí đánh giá quá trình phát triển sản phẩm; Nội dung thiết kế phát triển sản phẩm may dệt may: Các nghiên cứu tiên thiết kế để phát triển ý tưởng, các hoạt động thiết kế trong phát triển sản phẩm dệt may, các giai đoạn thiết kế phát triển sản phẩm dệt may; Phát triển ý tưởng sản phẩm: quá trình phát triển ý tưởng sản phẩm, xác định nhu cầu khách hàng và đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm, đề xuất ý tưởng sản phẩm, lựa chọn ý tưởng

sản phẩm, thử nghiệm ý tưởng sản phẩm; Thiết kế phác thảo: thiết kế cấu trúc sản phẩm, thiết kế công nghiệp; Thiết kế kỹ thuật và công nghệ sản xuất sản phẩm. Phương pháp đánh giá sản phẩm mới.

8.4.15. Vải dệt 3D

Mã học phần: FG7015

Sô tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức về công nghệ sản xuất, cấu trúc vải và ứng dụng của vải 3D bao gồm: vải dệt thoi 3D, vải dệt kim 3D, vải đan bện 3D và vải không dệt 3D.

8.4.16. Công nghệ hoàn tất mới sản phẩm dệt may

Mã học phần: FG7016

Sô tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức về bản chất của các phương pháp hoàn tất cơ lý, hoá học sản phẩm dệt may và công nghệ hoàn tất hiện đại bằng biện pháp cơ lý, hóa học ứng dụng cho sản phẩm dệt may để tạo ra các loại sản phẩm dệt may có tính chất chuyên dụng mới.

8.4.17. Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục

Mã học phần: FG7017

Sô tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức về những tiến bộ mới trong dự báo độ rủ, hình dạng của sản phẩm may, phối màu vải, thiết kế mỹ thuật và kỹ thuật trang phục với sự hỗ trợ của máy tính; các ứng dụng cải thiện cỡ số và độ vừa vặn của trang phục, quét cơ thể người 3D, những tiến bộ trong thiết kế kỹ thuật sản phẩm may trên cơ thể 3D với sự trợ giúp của máy tính.

8.4.18. Tiến bộ mới trong công nghệ may

Mã học phần: FG7018

Sô tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức về tiến bộ mới trong sản xuất sản phẩm may: Phương pháp gia công hiện đại, áp dụng các tiến bộ mới trong sản xuất sản phẩm may; Những thách thức và thay đổi trong chuỗi

cung ứng toàn cầu, các hình thức sản xuất và kinh doanh hiện đại, các yếu tố tác động tới sản xuất và kinh doanh sản phẩm may thời trang.

8.4.19. Tiến bộ mới trong công nghệ dệt

Mã học phần: FG7019

Sô tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức mới về công nghệ chuẩn bị dệt (quần ống, mắc sợi, hồ sợi, luồn và nối tiếp sợi dọc), kỹ thuật dệt một miệng vải và kỹ thuật dệt nhiều miệng vải. Dự báo các tiến bộ kỹ thuật công nghệ dệt trong tương lai và ứng dụng.

8.4.20. Phân tích và dự báo xu hướng sản phẩm dệt may

Mã học phần: FG7020

Sô tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức về mục đích, yêu cầu, vai trò của dự báo xu hướng trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may. Phương pháp dự báo xu hướng trong sản xuất và kinh doanh dệt may thời trang. Các yếu tố tác động đến kết quả dự báo xu hướng dệt may thời trang. Ứng dụng và kiểm chứng kết quả dự báo xu hướng trong ngành dệt may thời trang.

8.4.21. Sản phẩm dệt may thông minh

Mã học phần: FG7021

Sô tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức khái quát về quần áo thông minh, công nghệ thiết kế, tiêu chuẩn hóa cho quần áo thông minh, sản phẩm điện - dệt, quang điện, sản phẩm từ vật liệu dệt nhớ hình dạng và máy tính wearable, nguyên tắc và yêu cầu cơ bản đối với sản phẩm dệt may quang điện và pin mặt trời.

8.4.22. Phát triển thương hiệu dệt may

Mã học phần: FG7022

Sô tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức khái quát chung về thương hiệu: Vai trò, yếu tố cấu thành, xây dựng và phát triển thương hiệu; Thương hiệu dệt may thời trang: Đặc điểm, các thương hiệu dệt may thời trang

tiêu biểu, xu hướng phát triển thương hiệu dệt may thời trang, thương hiệu dệt may thời trang Việt nam; Phát triển thương hiệu dệt may thời trang Việt nam: thực trạng và nhu cầu, bối cảnh sản xuất và kinh doanh thời trang Việt nam trong chuỗi cung ứng dệt may thời trang toàn cầu, kế hoạch xây dựng thương hiệu dệt may thời trang, qui trình và thực hiện xây dựng thương hiệu dệt may thời trang, đánh giá và tiêu chuẩn hóa, các hoạt động điều chỉnh.

8.4.23. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Dệt May

Mã học phần: FG7023

Sô tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo; mô hình trí tuệ nhân tạo được ứng dụng trong ngành dệt may: mạng nơ ron nhân tạo, hệ mờ, mô hình áp dụng học máy và các giải thuật khác; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu và thiết kế sản phẩm dệt may, sản xuất và đánh giá chất lượng sản phẩm, dự báo bán hàng và chuỗi cung ứng sản phẩm dệt may.

8.4.24. Khoa học quản lý sản xuất trong dệt may

Mã học phần: FG7024

Sô tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức khái quát chung về lập kế hoạch nguồn lực trong doanh nghiệp, công nghệ và chức năng của quản lý sản xuất trong dệt may, các mô đun quản lý các nguồn lực trong dệt may (ERP), những lợi ích và triển khai quản lý sản xuất và các nguồn lực trong dệt may, những phát triển mới nhất và tuyển dụng trong quản lý sản xuất và các nguồn lực dệt may.

8.4.25. Tự động hóa trong công nghệ Dệt May

Mã học phần: FG7025

Sô tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho học viên kiến thức về tự động hóa trong sản xuất sản phẩm dệt may, cung cấp thông tin chi tiết có hệ thống và toàn diện về vai trò của tự động hóa trong quá trình sản xuất sản phẩm dệt may, tự động hóa trong quá trình sản xuất từ kiểm tra vải, xử lý vải, trải và cắt vải, đến kỹ thuật hoàn thiện, là ép và đóng gói; Các công cụ tiên tiến trong sản xuất, logistic và quản lý chuỗi cung ứng.

8.4.26. Luận văn tốt nghiệp

Mã học phần: FG7027

Số tín chỉ: 10(0,0,10)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành xong các học phần của CTĐT thạc sỹ Công nghệ dệt, may (ngoại trừ Luận văn tốt nghiệp).

Học phần luận văn tốt nghiệp là học phần tổng hợp trong chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ ngành Công nghệ dệt, may. Học phần định hướng cho học viên nhận diện, lựa chọn vấn đề trong ngành dệt may để nghiên cứu; Vận dụng các kiến thức đã học để xác định mục tiêu, đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu phù hợp để giải quyết câu hỏi nghiên cứu đặt ra, trình bày dưới dạng một công trình nghiên cứu đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, có độ tin cậy trong ngành dệt may.

9. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học khác cùng ngành làm cơ sở đánh giá để phát triển chương trình như Trường Đại học Bách Khoa Hà nội, Trường ĐH kỹ thuật LIBEREC, CH Séc.

9.1. Bảng đối chiếu cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 9.1. Đối chiếu cấu trúc chương trình

<i>Trường</i>	<i>ĐHBKHN (2019) Công nghệ Vật liệu dệt, may (định hướng ứng dụng)</i>	<i>TECHNICAL UNIVERSITY OF LIBEREC (2019) Clothing and Textile Engineering</i>	<i>ĐHCNHN (2019) Công nghệ dệt, may</i>
<i>Khối kiến thức</i>			
Kiến thức chung	3	36	5
Kiến thức cơ sở ngành	22	36	13
Kiến thức chuyên ngành	20	30	17
Luận văn tốt nghiệp	8	3 đồ án (18)	10
Tổng	53 tín chỉ	120 ETCs	45 tín chỉ

9.2. Bảng đối sánh các học phần trong CTĐT giữa các trường

^[1] Cơ sở đào tạo: Trường ĐH Bách Khoa Hà nội

+ Địa chỉ trang Web: <https://hust.edu.vn/>

+ Tham khảo khung CTĐT năm: 2019

^[2] Cơ sở đào tạo: Trường ĐH Kỹ thuật Libersec, CH Séc

+ Địa chỉ trang Web: (<http://www.ft.tul.cz>)

+ Tham khảo khung CTĐT năm: 2019

Bảng 9.2. Đối chiếu chương trình đào tạo

Tiêu chí	CTĐT ĐH Bách khoa Hà nội (Công nghệ vật liệu dệt, may) Thạc sĩ kỹ thuật, định hướng ứng dụng	CTĐT Của Technique University Liberec (Clothing and Textile Engineering)	CTĐT của ĐH Công nghiệp Hà nội (Công nghệ dệt, may)
1. Mục tiêu đào tạo			
- Mục tiêu chung	<p>- Đào tạo thạc sĩ ngành Công nghệ Vật liệu Dệt May có các kiến thức lý thuyết chuyên môn sâu, kiến thức khoa học cơ bản và kỹ thuật cơ sở liên quan đến lĩnh vực Công nghệ Vật liệu Dệt May. Học viên sau khi tốt nghiệp có khả năng độc lập thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, có trình độ cao về thực hành. Có khả năng thích ứng cao với môi trường kinh tế xã hội trong thời kỳ hội nhập, giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật trong lĩnh vực Công nghệ Vật liệu Dệt May.</p> <p>- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Công nghệ Vật liệu Dệt May bảo đảm tính liên thông với chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ Vật liệu Dệt May và cung cấp đủ các kiến thức cần thiết để học viên có thể làm việc hoặc tiếp tục theo học ở bậc nghiên cứu sinh cùng ngành trong và ngoài nước. Hơn nữa, chương trình cũng đảm bảo tính hội nhập với các chương trình đào tạo thạc sĩ ngành này của các nước trong khu vực và trên thế giới.</p>	<p>Thạc sĩ tốt nghiệp sẽ có được kiến thức toàn diện về toàn bộ lĩnh vực công nghệ dệt may và quần áo, chủ yếu dựa trên sự hiểu biết về các nguyên tắc cơ bản và quy trình cũng như phát triển các kỹ năng tương ứng; thành thạo về công nghệ, cấu trúc và đặc tính của vải. Sau khi tốt nghiệp, người học sẽ phát triển khả năng làm việc độc lập và sáng tạo về mặt kỹ thuật; có thể được sử dụng ngay trong sản xuất dệt may, quản lý, nghiên cứu hoặc giáo dục; có thể thích nghi để làm việc ở các ngành kỹ thuật khác; có khả năng tiếp tục phát triển trình độ chuyên môn độc lập; có thể tiếp cận các vấn đề một cách phức tạp, từ quan điểm của các khoa học kỹ thuật khác (kinh tế, sinh thái và môi trường).</p>	<p>Đào tạo thạc sĩ Công nghệ dệt, may có phẩm chất đạo đức và đạo đức nghề nghiệp tốt, có trình độ chuyên môn cao, có thể làm chủ kiến thức khoa học và công nghệ liên quan đến Công nghệ dệt, may. Thạc sĩ Công nghệ dệt, may có phương pháp tư duy hệ thống, tư duy phản biện, khả năng tiếp cận, tổ chức và giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật của ngành Công nghệ dệt, may với vai trò của chuyên gia; có khả năng nghiên cứu khoa học độc lập với phương pháp sáng tạo; khả năng thích ứng với môi trường kinh tế-xã hội toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, có khả năng tự đào tạo và tham gia các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế để đạt trình độ cao hơn.</p>
- Mục tiêu cụ thể	<p>-Nắm vững các kiến thức chuyên môn sâu, cập nhật các kiến thức công nghệ, vật liệu mới và có các kiến thức tổng</p>		<p>MT1: Có kiến thức chuyên sâu phục vụ nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng về công nghệ sản xuất trong ngành dệt may và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;</p>

	<p>hợp về yêu cầu sản phẩm mới trong lĩnh vực dệt may.</p> <p>- Vận dụng được các kiến thức đã học này vào thực tế sản xuất và công tác để giải quyết các vấn đề khoa học và kỹ thuật chuyên ngành, để xây dựng, phát triển các dòng sản phẩm mới và xây dựng thương hiệu sản phẩm.</p> <p>- Có kỹ năng làm việc trong một tập thể đa ngành, đáp ứng yêu cầu của các dự án công nghiệp với sự tham gia của các chuyên gia đến từ nhiều ngành khác nhau</p>		<p>MT2: Có các kiến thức về vật liệu mới trong dệt may; công nghệ sản xuất xơ sợi tiên tiến; tiêu chuẩn hóa sản phẩm dệt may/đo lường trong dệt may; tiện nghi trang phục hoặc an toàn và phát triển bền vững trong dệt may;</p> <p>MT3: Có kiến thức chuyên ngành công nghệ mới về dệt may thuộc các lĩnh vực: Nghiên cứu và phát triển sản phẩm, công nghệ gia công, công nghệ sản xuất và tổ chức sản xuất sản phẩm dệt may; các kiến thức nâng cao cho việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ, thiết bị mới trong ngành dệt may;</p> <p>MT4: Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, phát triển và thử nghiệm giải pháp mới, kỹ thuật mới, công nghệ mới vào lĩnh vực dệt may; xây dựng, quản lý và triển khai dự án, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ mới liên quan đến lĩnh vực dệt may; phân tích và giải quyết được các vấn đề kỹ thuật phức tạp, thường xảy ra thuộc ngành công nghệ dệt may; làm việc độc lập, làm việc nhóm trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia;</p> <p>MT5: Có hiểu biết về kinh tế, chính trị phù hợp với ngành được đào tạo để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng.</p>
2. Thời gian đào tạo	1,5 năm	2 năm	2 năm
3. Khối lượng tín chỉ toàn khoá	53 tín chỉ	120 ECTS	45 tín chỉ
4. Cấu trúc CTĐT			
-Khối kiến thức chung			
<i>Học phần bắt buộc</i>	-Triết học (3TC)	-Toán ứng dụng -Phân tích dữ liệu thực nghiệm -Vật lý 2	-Triết học -Phương pháp nghiên cứu khoa học (5TC)
- Khối kiến thức cơ sở ngành			
	-Thiết kế vải dệt thoi	- Kỹ thuật dệt - Toán số	- Phương pháp phân tích dữ liệu ngành dệt may

<p>- Các học phần bắt buộc</p>	<p>-Phân tích hóa học vật liệu và sản phẩm may -Xơ dệt mới -Tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ sợi -Tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ dệt -Kỹ thuật mới trong công nghệ hoàn tất dệt may -Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục -Kỹ thuật may hiện đại (16TC)</p>	<p>- Đặc tính xơ sợi - đồ án 1 <i>Chuyên ngành CN Dệt:</i> - Cấu trúc sợi - lý thuyết quá trình kéo sợi <i>Chuyên ngành CN May:</i> - Tự động hóa trong sản xuất may - Nguyên lý cơ bản của máy may</p>	<p>- Vật liệu mới trong dệt may (5TC)</p>
<p>- Các học phần tự chọn</p>	<p>-Đo lường dệt -Thiết kế phát triển sản phẩm may -Công nghệ sản phẩm may từ vật liệu đặc biệt -Nhân trắc học may -Xử lý hoàn tất sản phẩm may (6TC)</p>	<p>- Cơ sở tiện nghi trang phục - Hóa lý Polyme - Cơ học và cơ sinh học - ứng dụng công nghệ nano trong y học - Chính sách kinh tế - Các nguyên lý hợp tác - Nghiên cứu không gian -Nghiên cứu hình dạng - Xử lý ảnh - Giới thiệu vùng địa lý -Giới thiệu cấu trúc nano</p>	<p>- Đo lường trong dệt may - Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng sản phẩm dệt may - Công nghệ SX xơ sợi tiên tiến - Tiện nghi trang phục - Phát triển bền vững trong dệt may - Vật liệu dệt may kỹ thuật - Vải không dệt và ứng dụng trong ngành may - Cấu trúc vải dệt thoi - Cấu trúc vải dệt kim -Vải dệt 3D (8TC)</p>
<p>- Khối kiến thức chuyên ngành</p>			
<p>- Các học phần bắt buộc</p>	<p>-Cấu trúc sợi -Cấu trúc vải dệt kim phức tạp -Động học nhuộm -Đo lường may -Công nghệ dệt kim hiện đại -Sinh thái và môi trường dệt may (12 TC)</p>	<p>- Kiểm tra chất lượng và đo lường dệt - Đồ án 2 - Đồ án 3 <i>Chuyên ngành công nghệ dệt:</i> - Khía cạnh ecologic của quá trình dệt - Lý thuyết hoàn tất - Lý thuyết dệt kim - Lý thuyết dệt thoi <i>Chuyên ngành công nghệ may:</i> - Mô phỏng quá trình sản xuất may - Thiết kế mẫu trên máy tính - Công nghệ sản xuất quần áo - Tiến bộ trong công nghệ và đo lường</p>	<p>-Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may -Công nghệ mới trong hoàn tất sản phẩm dệt may - Tiến bộ mới trong công nghệ may (6TC)</p>
<p>- Các học</p>	<p>-Kỹ thuật xơ sợi nhân tạo tiên tiến</p>	<p>- phác thảo quần áo - Dệt hiệu năng cao</p>	<p>- Kỹ thuật tiên tiến trong thiết kế sản phẩm may</p>

<i>phần tự chọn</i>	<ul style="list-style-type: none"> -Vải địa kỹ thuật - ứng dụng và công nghệ sản xuất -Vật liệu dệt cho quần áo bảo vệ -Sản phẩm may vật liệu da -Sản phẩm dệt may ứng dụng y sinh học -Sáng tạo trong thiết kế dệt may -Tin học và robot trong công nghệ dệt may -Quản trị công nghiệp dệt may -Chiến lược quản lý công nghệ -Xử lý số liệu thực nghiệm trong dệt may -Tiện nghi trang phục (8TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - dự án kỹ thuật sản phẩm may - Độ không đều của sản phẩm dệt - Các đặc tính sử dụng của vật liệu dệt - Hoàn tất cuối cùng - Chức năng của vật liệu na nô -Phương pháp quang - Cấu trúc và đặc tính của vải dệt thoi -Lý thuyết và nghiên cứu của thiết kế -Sáng tạo xu hướng 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục - Tiến bộ mới trong công nghệ dệt - Phân tích và dự báo xu hướng sản phẩm dệt may - Sản phẩm dệt may thông minh - Phát triển thương hiệu sản phẩm dệt may - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành dệt may - Khoa học quản lý sản xuất trong dệt may - Tự động hóa trong công nghệ dệt may (11TC)
5. Thực tập và tốt nghiệp	- Luận văn tốt nghiệp (8TC)		- Luận văn tốt nghiệp (10TC)

Kết quả đối sánh cho thấy CTĐT Thạc sỹ Công nghệ dệt, may của trường ĐH CNHN có khối lượng tổng số tín chỉ nhỏ hơn CTĐT Thạc sỹ CNVLDM định hướng ứng dụng là 8 TC. Các học phần cơ bản và cơ sở thuộc lĩnh vực công nghệ dệt, may tương tự như CTĐT Thạc sỹ CNVLDM của ĐHBK Hà nội nhưng các học phần chuyên ngành của ĐHCN HN đầy đủ hơn, cập nhật hơn, số tín chỉ cao hơn và hướng vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm, công nghệ sản xuất dệt may. CTĐT của ĐHCN HN so với CTĐT của ĐH Kỹ thuật Liberec khác biệt ở chỗ không chia thành các chuyên ngành sâu. Cách tiếp cận này nhằm phù hợp với nhu cầu của người học và tăng mức độ thích nghi của người học sau khi tốt nghiệp với các vị trí việc làm đa dạng trong ngành dệt may trong thời kỳ mới có nhiều thay đổi.

10. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS Nguyễn Thị Lệ



Phạm Văn Bổng

PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Các văn bản pháp lý

- Hướng dẫn đánh giá chương trình theo AUN – QA, phiên bản 3.0 2015;
- Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của BGD&ĐT 2016;
- Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13;
- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2017, Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học; sau đại học.
- Căn cứ Quyết định số 630/QĐ-ĐHCN ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc Ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường ĐHCNHN;
- Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-ĐHCN ngày 18 tháng 2 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc thành lập tổ soạn thảo CTĐT trình độ thạc sĩ;
- Căn cứ Quy định kèm theo Quyết định số 351/QĐ-ĐHCN ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

II. Khung chương trình các trường đại học khác:

- *Khung CTĐT Thạc sĩ Công nghệ vật liệu dệt may, định hướng ứng dụng, Trường ĐH Bách Khoa Hà nội, 2019.*
- *Khung CTĐT Thạc sĩ Kỹ thuật dệt may, Trường ĐH Kỹ thuật Liberec, CH Séc, 2019.*

